

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HN-PT

Ngày: 25 - 8 - 2017

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2017/TLPT-HNGĐ ngày 18/7/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2017/QĐ-PT ngày 01/8/2017, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/2017/TB-TĐ ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, ấp 1, xã B.L, huyện X.M, tỉnh BR - VT; Nơi ở: 10/6/9 khu phố Đ.A.2, phường B.H, thị xã T.A, tỉnh B.D. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Cáp Hữu D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 1, xã B.L, huyện X.M, tỉnh BR - VT. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Luật sư Trần Công N – Văn phòng luật sư T.C.N – Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Cáp Hữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà H và ông Cáp Hữu D tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D và bà H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và

xúc phạm nhau, ông D có hành hung bà H và đã bị Ủy ban nhân dân xã xử phạt hành chính. Bà H và ông D đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có hai con chung là Cáp Hữu P, sinh ngày 12/9/2013 và Cáp Thị Khánh N, sinh ngày 8/8/2015, hai con hiện đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không tranh chấp về tài sản chung với ông D.

Về nợ chung: Bà H và ông D không có nợ chung.

- Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Cáp Hữu D trình bày: Ông D và bà H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do ông D và bà H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Hai người đã sống ly thân nhau mỗi người sống một nơi từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Nay ông D đồng ý ly hôn bà H.

Về con: Ông D và bà H có hai con chung là Cáp Hữu P, sinh ngày 12/9/2013 và Cáp Thị Khánh N, sinh ngày 8/8/2015, hiện con đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Cáp Hữu P, bà H nuôi dưỡng con là Cáp Thị Khánh N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D và bà H không tranh chấp về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông D và bà H không có nợ chung.

- Tại bản án sơ thẩm số 42/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã căn cứ các điều 56, 81, 82, 84, điều 116 Luật Hôn Nhân và gia đình. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H;

Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn đối với ông Cáp Hữu D.

Về con chung: Bà H và ông D có hai con chung là Cáp Hữu P, sinh ngày 12/9/2013 và Cáp Thị Khánh N, sinh ngày 8/8/2015; Giao hai con là Cáp Hữu P và Cáp Thị Khánh N cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Cáp Hữu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con;

Tạm thời, bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu ông Cáp Hữu D cấp dưỡng nuôi con;

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, ông Cáp Hữu D và bà Nguyễn Thị Ngọc H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Cáp Hữu D không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 21/6/2017 bị đơn ông Cáp Hữu D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về quyền nuôi con chung, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết giao cho ông D được quyền trực tiếp nuôi hai con chung hoặc một con chung vì ông có đủ sức khỏe, nghề nghiệp ổn định để nuôi con.

- Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện tại các con của bà H và ông D còn nhỏ nên để cho bà H trực tiếp nuôi con sẽ tốt hơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Bị đơn ông Cáp Hữu D cư trú ở huyện Xuyên Mộc nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Bị đơn ông Cáp Hữu D kháng cáo đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2017/HNGĐ-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ các Điều 270, 271, 293 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Cáp Hữu D kháng cáo về quan hệ con chung. Đối với quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, án phí không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[II] Xét kháng cáo của ông Cáp Hữu D, thấy:

[1] Con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Cáp Hữu D là Cáp Hữu P, sinh ngày 12/9/2013 và Cáp Thị Khánh N, sinh ngày 08/8/2015, các con còn nhỏ, con lớn mới hơn 3 tuổi, con nhỏ mới hơn 2 tuổi, nên việc chăm sóc trực tiếp của người mẹ sẽ tốt hơn người cha, hiện con đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng ổn định. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng vào năm 2016 có thời gian ngắn bà H để cho ông D trực tiếp nuôi con nhưng ông D đã có sự ngăn cản bà thăm nom chăm sóc con, ông D cũng xác nhận vấn đề này. Cũng theo bà H hiện tại các con còn quá nhỏ đại nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của bà từ bữa ăn, giấc ngủ,...nên bà vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, sau này khi các con cứng cáp hơn thì khi đó có thể giao con cho ông D trực tiếp nuôi mới đảm bảo. Ý kiến của bà H là phù hợp với thực tế về điều kiện sống của các con. Do vậy không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con vào thời điểm này, nếu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ làm xáo trộn và ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của con. Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi là có căn cứ. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cáp Hữu D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quyền nuôi con.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông D không được chấp nhận nên ông D phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Cáp Hữu D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2017/HNGĐ-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần con chung như sau:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, nộp, ... án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi con là Cáp Hữu P, sinh ngày 12/9/2013 và Cáp Thị Khánh N, sinh ngày 08/8/2015.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cáp Hữu P có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở lợi ích của con, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Cáp Hữu P và cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Án phí phúc thẩm: Ông Cáp Hữu D phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006873 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông D đã nộp đủ.

- Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2017/HNGĐ-ST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 25/8/2017.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- TAND H.Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Văn Tâm

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hoàng Anh

Đào Thị Huệ

Trương Văn Tâm

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Huệ**, sinh năm 1986; (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, ấp 1, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông **Cáp Hữu Dũng**, sinh năm 1983; (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, ấp 1, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ có yêu cầu như sau:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Bà Huệ và ông Cáp Hữu Dũng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Dũng và bà Huệ bất đồng ý kiến, cãi vã, xúc phạm nhau, ông Dũng hành hung đối với bà Huệ. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Bà Huệ và ông Dũng đã ly thân từ năm tháng 2 năm 2017 đến nay. Nay bà Huệ có yêu cầu ly hôn đối với ông Dũng.

- Về con: Bà Huệ và ông Dũng có hai con chung là: Cáp Hữu Phước, sinh ngày 12/9/2013; Cáp Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 8/8/2015 (Được bà Huệ nuôi dưỡng). Bà Huệ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con là Cáp Hữu Phước và Cáp Thị Khánh Ngọc, bà Huệ không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Huệ không tranh chấp về tài sản chung với ông Dũng.

- Về nợ chung: Bà Huệ và ông Dũng không có nợ chung.

*** Tại các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Cáp Hữu Dũng có ý kiến như sau:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Bà Huệ và ông Cáp Hữu Dũng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Dũng và bà Huệ bất đồng ý kiến, cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông Dũng và bà Huệ đã ly thân từ tháng 2 năm 2017 đến nay.

Qua yêu cầu ly hôn của bà Huệ, ông Dũng đồng ý ly hôn.

- Về con: Bà Huệ và ông Dũng có hai con chung là: Cáp Hữu Phước, sinh ngày 12/9/2013; Cáp Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 8/8/2015 (Đang được bà Huệ nuôi dưỡng). Ông Dũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng em Cáp Hữu Phước, không yêu cầu bà Huệ cấp dưỡng nuôi con. Ông Dũng đồng ý việc bà Huệ yêu cầu được nuôi dưỡng em Cáp Thị Khánh Ngọc.

- Về tài sản chung: Ông Dũng và bà Huệ không tranh chấp về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Huệ và ông Dũng không có nợ chung.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục xét xử vụ án: Các đương sự Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đề nghị TAND huyện Xuyên Mộc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ; Về con, đề nghị Tòa án giao em Cáp Thị Khánh Ngọc cho bà Huệ trực tiếp nuôi dưỡng, giao em Cáp Hữu Phước cho ông Dũng trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Qua lời trình bày của các đương sự cho thấy: Bà Huệ và ông Dũng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì có mâu thuẫn, Nguyên nhân là do bà Huệ và ông Dũng nhiều lần bất đồng ý kiến, xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, ông Dũng có hành hung đối với bà Huệ. Từ những mâu thuẫn kể trên, Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng đã ly thân vào đầu năm 2017 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ.

[2] Về con chung: Bà Huệ và ông Dũng có hai con chung là: Cáp Hữu Phước, sinh ngày 12/9/2013; Cáp Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 8/8/2015;

Qua lời trình bày của các đương sự cho thấy: Sau khi ông Dũng và bà Huệ ly thân thì các em Phước, Ngọc được bà Huệ nuôi dưỡng. Xét thấy các em Phước, Ngọc còn nhỏ và đang được mẹ nuôi dưỡng, nên căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Huệ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con. Tạm thời, bà Huệ có điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng có thể yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên không xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 84, điều 116 Luật Hôn Nhân và gia đình:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ được ly hôn đối với ông Cáp Hữu Dũng.

2/- Về con chung:

Bà Huệ và ông Dũng có hai con chung là: Cáp Hữu Phước, sinh ngày 12/9/2013; Cáp Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 8/8/2015;

Giao hai em Cáp Hữu Phước và Cáp Thị Khánh Ngọc cho bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Cáp Hữu Dũng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con;

Tạm thời, bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ không yêu cầu ông Cáp Hữu Dũng cấp dưỡng nuôi con;

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, ông Cáp Hữu Dũng và bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ có thể yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ và ông Cáp Hữu Dũng không có tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

4/- Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003222 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Cáp Hữu Dũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

*** Trường hợp công nhân thỏa thuận.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tráng và bà Út ông Phấn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Đoàn Văn Tráng và bà Vũ Thị Út đối với nhà đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 3, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất là 194,4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96,4m² thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phán phải hoàn trả số tiền cho ông Đoàn Văn Tráng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phán phải chịu

+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tráng và bà Út ông Phán thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Đoàn Văn Tráng và bà Vũ Thị Út đối với nhà đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 3, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất là 194,4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96,4m² thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phán phải hoàn trả số tiền cho ông Đoàn Văn Tráng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phán phải chịu

+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa án sơ theo hướng theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

Từ nhận định trên, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Án phí phúc thẩm: Bà Út không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án sơ thẩm số 27/2015/DSST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Áp dụng Điều 270 Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của ông Đoàn Văn Tráng, bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phần như sau:

Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Đoàn Văn Tráng và bà Vũ Thị Út đối với nhà đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 3, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất là 194,4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96,4m² thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phần có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho ông Đoàn Văn Tráng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phần phải chịu

+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Út không phải chịu. Hoàn lại cho bà Út 200.000đ tiền tạm ứng án phí bà Út đã nộp theo biên lai thu số 07286 ngày 21/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2015).

*** Trường hợp giảm tiền phải trả.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tráng yêu cầu bà Út ông Phần chỉ phải trả cho ông Tráng số tiền, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp thêm chứng cứ mới.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Tráng về việc giảm tiền yêu cầu bà Út ông Phần hoàn trả tiền đặt cọc, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Út, sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn Tráng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSD đất và quyền sở hữu nhà ở”; bị đơn là bà Vũ Thị Út đang cư trú tại thành phố Vũng Tàu, hợp đồng giao dịch là bất động sản được thực hiện ở thành phố Vũng Tàu có tranh chấp nên thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu là đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Theo xác nhận của ông Đoàn Văn Tráng, bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phần thì ngày 12/11/2014 ông Tráng và bà Út ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất, theo đó bà Út đồng ý bán cho ông Tráng nhà và đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, diện tích đất 194.4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96.4m² thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; giá chuyển nhượng là 7.678.000.000đ, ông Tráng có trách nhiệm đặt cọc trước cho vợ chồng bà Út 2.000.000.000đ, số tiền còn lại thì hẹn 20 ngày sau sẽ thanh toán.

Sáng ngày 12/11/2014 ông Tráng giao cho bà Út số tiền 2.000.000.000đ tiền đặt cọc theo hợp đồng đã ký kết.

Theo ông Tráng, chiều ngày ký hợp đồng, ông Tráng đã hỏi thông tin về quy hoạch và được biết nhà và đất nằm trong diện quy hoạch đường giao thông, phía bà Út đã giấu thông tin về những hạn chế đối với nhà và đất, đây là hành vi lừa dối người mua. Do vậy ông Tráng yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng đặt cọc ngày 12/11/2014 và buộc bà Út, ông Phần có trách nhiệm hoàn trả cho ông Tráng số tiền đặt cọc là 2.000.000.000đ.

Ông Phần và bà Út cho rằng: Việc giao kết hợp đồng đặt cọc là tự nguyện, công khai, không lừa dối. Bên mua là ông Tráng đã từ chối không mua nhà đất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 3 của hợp đồng thì phải mất cọc. Ông Phần, bà Út không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tráng.

- Xét yêu cầu của ông Tráng về việc yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Tráng và bà Út, thấy:

Ông Tráng yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 do nhà đất bị quy hoạch nhưng phía bà Út ông Phần không thông báo cho ông biết khi ký hợp đồng; bà Út và ông Phần đồng ý hủy hợp đồng do ông Tráng không đồng ý nhận chuyển nhượng nhà đất và thời hạn thực hiện hợp đồng đã hết. Do các đương sự đều thống nhất đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Đoàn Văn Tráng và bà Vũ Thị Út, nên HĐXX chấp nhận hủy hợp đồng.

- Xét yêu cầu của ông Tráng về việc yêu cầu bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phần trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000đ theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng ngày 12/11/2014, thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thiệu Phần đồng ý với các nội dung của hợp đồng đặt cọc mà bà Út đã ký với ông Tráng; Ông Nguyễn Thiệu Phần và bà Vũ Thị Út xác nhận đã nhận số tiền 2.000.000.000đ tiền đặt cọc của ông Đoàn Văn Tráng.

Theo nội dung hợp đồng đặt cọc thể hiện: Ông Phần, bà Út đồng ý bán cho ông Tráng nhà và đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, diện tích đất là 194.4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96.4m² thuộc thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, giá chuyển nhượng là 7.678.000.000 đồng. Như vậy nội dung hợp đồng là mua bán chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Qua xác nhận của các đương sự và qua xem xét thẩm định tại chỗ thì toàn bộ diện tích đất mua bán chuyển nhượng giữa bà Út và ông Tráng đã được xây dựng nhà cấp 4. Ông Tráng, bà Út và ông Phần xác nhận hai bên hợp đồng mua bán chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất nêu trên.

Xét những thông tin, mặt hạn chế của quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở, thấy: Theo Công văn số 1053/QLĐT-KTQH ngày 20/11/2014, Công văn số 510/ QLĐT-KTQH ngày 05/06/2015,

biên bản xác minh ngày , Phòng Quản lý đô thị - Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu xác nhận: “Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02, Phường 3, thành phố Vũng Tàu thì vị trí thửa đất trên một phần hướng Đông bắc thuộc quy hoạch đường giao thông rộng 13m và phần còn lại thuộc quy hoạch khu dân cư, mật độ xây dựng theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đường Trương Công Định quy hoạch rộng 21,25m, góc vát giao lộ 5m x 5m”, có một phần diện tích khoảng 67,7m² quy hoạch khu dân cư, phần còn lại khoảng 126,7m² quy hoạch đường giao thông, phần quy hoạch Như vậy thửa đất này đã có một phần nằm trong quy hoạch mở đường, một phần của căn nhà cũng nằm trong diện tích quy hoạch, việc quy hoạch mở đường ảnh hưởng đến việc xây dựng công trình kiến trúc trên phần đất này, hạn chế quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Xét về nghĩa vụ của người chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thì thấy: Việc quy hoạch và hạn chế sử dụng của thửa đất đã được ông Phấn và bà Út biết từ năm 2004, điều này thể hiện qua lời trình bày của ông Phấn, bà Út trong các lần làm việc trước đây và tại phiên tòa sơ thẩm “vào năm 2004, con tôi sửa nhà để kinh doanh thì mới biết có quy hoạch là lấy một phần đất làm đường và chính quyền không cho phép gia đình tôi làm nhà kiên cố, nên gia đình tiến hành dỡ trụ, xây dựng nhà cấp 4 lợp mái tôn để kinh doanh...”. Ông Phấn, bà Út và ông Tráng đều xác nhận quá trình giao dịch và ký hợp đồng, bà Út và ông Phấn không nói cho ông Tráng biết hạn chế về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở; ông Nguyễn Quang Cường (người môi giới) cũng xác nhận khi nhận giấy tờ về nhà đất và ký kết hợp đồng đặt cọc thì ông Phấn, bà Út không thông tin cho ông Cường và ông Tráng biết về tình trạng quy hoạch của thửa đất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 451 Bộ Luật dân sự quy định: Bên bán nhà ở có các nghĩa vụ sau: Thông báo cho bên mua về các hạn chế quyền sở hữu đối với nhà mua bán, nếu có; Khoản 1 Điều 699 Bộ luật dân sự quy định: Bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất có các nghĩa vụ sau đây: Chuyển giao đất cho bên chuyển nhượng đủ diện tích, đúng hạng đất, loại đất, vị trí, số hiệu và tình trạng đất như đã thỏa thuận.

Như vậy, nghĩa vụ thông báo những hạn chế quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thuộc bên bán nhà đất là bà Út và ông Phấn.

Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, thì đối tượng đặt cọc chuyển nhượng đang được gia đình ông Phấn, bà Út thế chấp vay tiền tại Ngân hàng đầu tư, tuy nhiên khi ký hợp đồng đặt cọc với ông Tráng, vợ chồng ông Phấn không thông báo sự việc này cho Ngân hàng là vi phạm Khoản 4 Điều 718 Bộ luật Dân sự: “không thực hiện đúng quyền của bên thế chấp quyền sử dụng đất”.

Ông Phấn và bà Út biết nhà và đất thuộc diện quy hoạch nhưng không thông báo mặt hạn chế quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã làm cho ông Tráng hiểu sai lệch về nhà và đất nên đã ký hợp đồng đặt cọc mua bán chuyển nhượng nhà đất, hành vi của bà Út ông Phấn được xem là hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự. Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật dân sự thì hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 giữa bà Út và ông Phấn là vô hiệu ngay từ khi ký kết. Do đó, hợp đồng đặt cọc không có giá trị pháp lý, việc ông Tráng từ chối không thực hiện hợp đồng vì bên bán nhà có hành vi lừa dối là có căn cứ, không thuộc trường hợp vi phạm hợp đồng.

Xét hậu quả của hợp đồng đặt cọc vô hiệu: Theo xác nhận của ông Phấn, bà Út và ông Tráng thì bà Út ông Phấn đã nhận số tiền đặt cọc 2.000.000.000đ của ông Tráng, số tiền này đã dùng vào việc thanh toán hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng đầu tư để lấy giấy tờ nhà đất ra làm thủ tục mua bán cho ông Tráng. Như vậy số tiền bà Út nhận đặt cọc đã dùng vào mục đích gia đình, nhà đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phấn và bà Út. Căn cứ vào Điều 137 Bộ luật dân sự, buộc ông Phấn, bà Út phải hoàn trả lại cho ông Tráng số tiền 2.000.000.000đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tráng đồng ý cho lại bà Út ông Phấn số tiền.....,..... chỉ yêu cầu bà Út, ông Phấn trả số tiền.....xét đây là sự tự nguyện của ông Tráng nên ghi nhận. Buộc bà Út và ông Phấn hoàn trả cho ông Tráng số tiền.....

Ông Tráng không yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng đặt cọc bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc vợ chồng ông Phấn cho rằng: Ông Tráng đã có hành vi đe dọa, tố cáo sai sự thật đến gia đình và các con của ông thì ông Phấn, bà Út được làm đơn tố cáo đến cơ quan công an để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Út, sửa án sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: + Bà Vũ Thị Út, ông Nguyễn Thiệu Phấn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho ông Tráng, được tính như sau: 36.000.000đ + ... (3% của số tiền vượt quá 800.000.000đ) = ...

+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng tiền tạm ứng án phí ông Tráng đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Bà Út không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Út. Sửa bản án sơ thẩm số 27/2015/DSST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Áp dụng Điều 122, Điều 132, Điều 137, Điều 158, khoản 1 Điều 451, khoản 1 Điều 699 BLDS; Điều 131, Điều 132 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Tráng về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/11/2014 được ký giữa ông Đoàn Văn Tráng và bà Vũ Thị Út đối với nhà đất tại địa chỉ 244 Trương Công Định, Phường 3, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất là 194,4m², trên đất có nhà cấp 4 diện tích xây dựng là 96,4m² thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201032953 ngày 05/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Buộc bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phấn phải hoàn trả số tiền cho ông Đoàn Văn Tráng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phấn phải chịu.....

+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Út không phải chịu. Hoàn lại cho bà Út 200.000đ tiền tạm ứng án phí bà Út đã nộp theo biên lai thu số 07286 ngày 21/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/12/2015).

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Thiện

Trần Minh Bắc

Trương Văn Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT
- TAND TP.Bà Rịa;
- CTHADS TP.Bà Rịa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tâm

*** Trường hợp công nhận thỏa thuận.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hiệp và bà Ân thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Hoàng Trọng Hiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con là Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 31/8/2000 và Hoàng Việt Bách, sinh ngày 07/3/2004, với mức cấp dưỡng cho mỗi một người con một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ ngày 30/12/2015 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phán phải chịu*

.....

+ *Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hiệp và bà Ân thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Hoàng Trọng Hiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con là Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 31/8/2000 và Hoàng Việt Bách, sinh ngày 07/3/2004, với mức cấp dưỡng cho mỗi một người con một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ ngày 30/12/2015 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Út và ông Nguyễn Thiệu Phấn phải chịu*

.....
+ Ông Đoàn Văn Tráng không phải chịu, hoàn lại cho ông Tráng 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04959 ngày 20/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa án sơ theo hướng theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ nhận định trên, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- *Án phí phúc thẩm: Bà Ân không phải chịu.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ly hôn, nuôi con, tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án sơ thẩm số 30/2015/HNGĐ-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Áp dụng Điều 270 Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của ông Hiệp và bà Bùi Thị Ân như sau:

Ông Hoàng Trọng Hiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con là Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 31/8/2000 và Hoàng Việt Bách, sinh ngày 07/3/2004, với mức

cấp dưỡng cho mỗi một người con một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ ngày 30/12/2015 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Ân phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số 08142 ngày 13/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Ân đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ly hôn, nuôi con, tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2015).

*** Trường hợp tăng cấp dưỡng.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tráng yêu cầu bà Út ông Phấn chỉ phải trả cho ông Tráng số tiền, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp thêm chứng cứ mới.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cơ bản đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Tráng về việc giảm tiền yêu cầu bà Út ông Phấn hoàn trả tiền đặt cọc, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Út, sửa bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Về tố tụng: Ông Hiệp khởi kiện ly hôn bà Ân, bị đơn bà Ân đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa là đúng quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ân kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con. Đối với quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi con, quan hệ tài sản chung và nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX phúc thẩm không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hiệp và bà Ân có 02 con chung là Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 31/8/2000 và Hoàng Việt Bách, sinh ngày 07/3/2004. Bản án sơ thẩm quyết định giao cả hai con cho bà Ân trực tiếp nuôi dưỡng; ông Hiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng/02con (mỗi con 2.000.000đ/tháng) và việc cấp dưỡng được thực hiện theo hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trọng Nghĩa và Việt Bách trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Ân kháng cáo buộc ông Hoàng Trọng Hiệp cấp dưỡng nuôi con với mức 6.000.000đồng/tháng/02con, mức cấp dưỡng không thay đổi trong suốt quá trình cấp dưỡng. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con học xong, có việc làm ổn định.

Xét thấy: Căn cứ vào lời khai và chứng cứ về thu nhập của ông Hiệp, xác định thu nhập của ông Hiệp khoảng 9.000.000đ/tháng. Qua xác nhận của đương sự và xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con xác định bà Ân có công việc buôn bán thu nhập ổn định. Theo yêu cầu của bà Ân yêu cầu ông Hiệp cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/tháng/02 con, chiếm 66% thu nhập cả ông Hiệp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hiệp tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/01 con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con như bà Ân yêu cầu là 6.000.000đ/tháng/2con, vì ông không có khả năng, lương của ông chỉ có 8.000.000đ/tháng. Yêu cầu của ông Hiệp là có căn cứ. Bà Ân không có căn cứ chứng minh và yêu cầu của bà Ân không phù hợp nên không chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Hiệp đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng nuôi mỗi một người con một tháng là đ, xét đây là sự tự nguyện của ông Hiệp phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Ân, sửa án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Ân không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ly hôn, nuôi con, tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Ân. Sửa bản án sơ thẩm số 30/2015/HNGĐ-ST ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Áp dụng Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 132 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Ông Hoàng Trọng Hiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con là Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 31/8/2000 và Hoàng Việt Bách, sinh ngày 07/3/2004, với mức cấp dưỡng cho mỗi một người con một tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ ngày 30/12/2015 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Ân phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu số 08142 ngày 13/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Ân đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ly hôn, nuôi con, tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2015).

*** QHTC:** T/c Ly hôn

*** ND:**

- **HN:** Chung sống 1980 không đăng ký; (Ghen, bài bạc, rượu, đánh đập); Ly hôn tháng 4/2015; Lê đồng ý ly hôn

- **Con chung:** 5 con là Phạm Văn Tuyền-1982; Phạm Thị Tuyết-1984; Phạm Thị Tin-1990; Phạm Thị Tươi- 1991; Phạm Thị Thơm- 1997. Các con đều đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **TS chung:** + **QSD Đất** 106,3m² thửa số 423, 424 tờ bản đồ số 44, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, giá trị 320.000.000đ; Thống nhất Chi sử dụng trả tiền cho Lê (Chi chia đôi; Lê 2/3 giá trị)

+ **Tiền** 160T Lê giữ (bà Lê đã chi chỉ còn 15T): Chi chia đôi; Lê sử dụng cả

- **Nợ chung:** NHCS **20T** (2014) + Bà Xuyên **2 chỉ vàng** = **6T** (Chi trả ½; Lê không trả do bị ép ký và không sử dụng)

*** KQST:** Công nhận thuận tình ly hôn; TS, Nợ, án phí (Xem BAST)

*** KC:** 2/3 giá trị vì có công sức đóng góp nhiều hơn

*** Hướng GQ:** - Về QHHN, con chung không kháng cáo nên không xét

- TS, nợ: Không chấp nhận k/c, Giữ nguyên QĐ án ST về TS, nợ chung

Như việc vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Từ khi bắt đầu chung sống đã mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Chi thường xuyên cờ bạc, tụ tập uống rượu và mâu thuẫn gay gắt nhất từ năm 2014 ông Chi có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường hay gây gỗ, cãi vã, xô xát nhau, nhiều lần ông Chi đánh bà Lê gây thương tích. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 17/4/2015 cho đến nay. Nay ông Chi yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Có 05 người con chung như ông Chi trình bày, tất cả đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung gồm:

+ **Đất:** diện tích 106,3m² thửa số 423, 424; tờ bản đồ số 44 tại xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có giá trị là 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng).

+ Về tiền mặt: Bà Lê thừa nhận tính đến ngày 17/4/2015 vợ chồng không còn chung sống với nhau thì tiền mặt của vợ chồng là 160.000.000đ (một trăm

sáu mươi triệu đồng) bà Lê quản lý. Tại phiên tòa bà Lê khai đã sử dụng vào việc chữa bệnh hết 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), cho con 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và tiêu xài cá nhân 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), còn 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) bà Lê yêu cầu được sử dụng.

Bà Lê yêu cầu được chia hưởng 2/3 giá trị tài sản do có công sức tạo dựng tài sản chung nhiều hơn.

- Về nợ chung:

+ Nợ bà Xuyên 02 chỉ vàng 24K tương đương 6.000.000đ, mỗi người có trách nhiệm trả 3.000.000đ.

+ Về số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 20.000.000đ, bà Lê thừa nhận có ký vào sổ vay vốn nhưng là do bị ông Chi ép buộc ký và bà không được sử dụng số tiền này nên không đồng ý trả.

* Tại các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn Tuyền, chị Phạm Thị Tuyết, Phạm Thị Tin, Phạm Thị Tươi, và Phạm Thị Thơm (đều là con của ông Chi và bà Lê) trình bày: Trước đây khi còn chung sống với ông Chi và bà Lê có đóng góp vào khối tài sản chung của ông Chi và bà Lê nhưng không xác được mức đóng góp và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đều có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia tài sản cho bà Lê được hưởng phần tài sản nhiều hơn ông Chi.

- Bà Nguyễn Thị Xuyên trình bày: Trước đây bà có cho vợ chồng ông Chi, bà Lê mượn 2 chỉ vàng 24K quy ra tiền là 6.000.000đ không có lãi suất. Nay vợ chồng ông Chi, bà Lê ly hôn nên yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả cho bà 3.000.000đ.

- Bà Lý Thị Thu Hồng đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày: Ngày 29/4/2014 Ngân hàng có cho vợ chồng ông Chi bà Lê vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), mục đích vay để chăn nuôi bò, thời hạn vay đến.

+ Về tiền mặt tính đến ngày 17/4/2015 (ngày vợ chồng không còn chung sống) là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), bà Lê cho rằng sau ngày 17/4/2015 vợ chồng không còn chung sống nữa thì bà đã sử dụng số tiền trên vào việc khám chữa bệnh 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), cho con 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và tiêu xài cá nhân 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng), hiện còn 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) bà Lê yêu cầu được sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc khám chữa bệnh và chi phí tiêu xài cá nhân, hơn nữa bà Lê đang ở độ tuổi lao động, có sức khỏe và có việc làm, thu nhập ổn định đủ chi phí cho bản thân nên số tiền bà Lê khai khám chữa bệnh và sử dụng riêng cho cá nhân là không hợp lý. Đối với số tiền bà Lê tự nguyện

cho con nhưng không được sự đồng ý của ông Chi nên đây được xem là khoản tiền cho riêng của bà Lê, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên cũng xem xét từ ngày 17/4/2015 đến ngày 03/8/2015 (làm tròn là 03 tháng 15 ngày) cháu Nguyễn Thị Thơm (sinh ngày 03/8/1997) là vị thành niên chung sống với bà Lê, mặc dù cháu Thơm bà Lê khai cháu Thơm đã đi làm và có thu nhập nhưng cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, xét mức chi phí nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp, 3 tháng 15 ngày thành tiền là 7.000.000đ. Như vậy tổng số tiền mặt của ông Chi và bà Lê còn, lại là 160.000.000đ - 7.000.000đ = 153.000.000đ. Ông Chi và bà Lê mọi người được chia hưởng là $153.000.000\text{đ} / 2 = 76.500.000\text{đ}$. Bà Lê là người quản lý số tiền này nên có nghĩa vụ giao lại cho ông Chi 76.500.000đ (bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mỗi bên được chia hưởng là 160.000.000đ + 76.500.000đ = 236.500.000đ. Ông Chi được quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ giao lại cho bà Lê số tiền chênh lệch là 160.000.000đ - 76.500.000đ = 83.500.000đ (tám mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về nợ chung:

+ Ông Chi, bà Lê và bà Xuyên thỏa thuận, ông Chi, bà Lê mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Xuyên 1 chỉ vàng 24K quy thành tiền là 3.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

+ Khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 20.000.000đ theo sổ vay vốn số 6600000701244301 ngày 29/4/2014, ngày đáo hạn là 17/4/2017. Ông Chi yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2 là 10.000.000đ, riêng tiền lãi tính đến ngày hôm nay ông Chi tự nguyện chịu. Bà Lê thừa nhận có ký hợp đồng vay vốn nhưng là bị ông Chi ép buộc và không được sử dụng khoản tiền này nên không đồng ý trả, nhưng không chứng minh được có sự ép buộc của ông Chi nên đây vẫn là khoản nợ chung của vợ chồng.

Luật sư cho rằng chưa đến hạn hợp đồng nên Ngân hàng không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này do đó đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu trả nợ của Ngân hàng đối với ông Chi, bà Lê. Đại diện Ngân hàng cho rằng, tuy chưa hết thời hạn trả nợ, mục đích vay vốn của ông Chi và bà Lê là chăn nuôi bò nhưng ông Chi bà Lê đã không sử dụng vốn vay vào việc chăn nuôi bò như thỏa thuận khi vay vốn nên yêu cầu ông Chi và bà Lê phải trả tiền nợ gốc 20.000.000đ và tiền lãi tính đến hôm nay là 52.000đ. Tại phiên tòa, ông Chi và bà Lê cũng thừa nhận không có sử dụng vốn vay vào mục đích chăn nuôi bò nên đã vi phạm vào điều khoản mục đích vay vốn. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của đại diện Ngân hàng buộc ông Chi bà Lê phải trả 20.000.000đ và tiền lãi tính đến hôm nay là 52.000đ. Do là khoản nợ chung nên ông Chi, bà Lê, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

10.000.000đ tiền nợ gốc, ghi nhận sự tự nguyện của ông Chi trả tiền lãi tính đến ngày hôm nay cho Ngân hàng là 52.000đ; ông Chi, bà Lê phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ gốc mà mình phải trả theo số vay vốn số 6600000701244301 ngày 29/4/2014.

- Về án phí:

+ Ông Chi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ.

+ Ông Chi và bà Lê mỗi người phải chịu án phí trên số tài sản được chia hưởng là: $236.500.000đ \times 5\% = 11.825.000đ$.

+ Ông Chi phải chịu án phí trên số nợ phải trả là $(10.000.000đ + 52000 + 3.000.000đ) \times 5\% = 652.600đ$.

+ Bà Lê phải chịu án phí trên số nợ phải trả là $(10.000.000đ + 3.000.000đ) \times 5\% = 650.000đ$.

Như vậy án phí ông Chi phải nộp là $200.000đ + 11.825.000đ + 652.600đ = 12.677.600đ$ (mười hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm đồng); Bà Lê phải nộp $11.825.000đ + 650.000đ = 12.475.000đ$ (mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

3. Về tài sản chung:

Ông Phạm Ngọc Chi được quyền sử dụng 106,3m² đất thuộc thửa số 423, 424 tờ bản đồ số 44 tại xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CA075436 ngày 30/3/2015 do ông Chi và bà Lê đứng tên). Ông Chi có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất đã được công nhận (theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 17/11/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Long Điền).

Ông Phạm Ngọc Chi có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị Lê 83.500.000đ (tám mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về nợ chung:

Ông Phạm Ngọc Chi và bà Nguyễn Thị Lê mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Xuyên 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Ông Phạm Ngọc Chi có nghĩa vụ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền nợ gốc và 52.000đ (năm mươi hai ngàn) tiền nợ lãi tính đến ngày 29/02/2016; bà Nguyễn Thị Lê có nghĩa vụ trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Ông Chi, bà Lê phải tiếp tục chịu tiền lãi kê từ ngày 01/3/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc, theo số vay vốn số 6600000701244301 ngày 29/4/2014.

- Hồng: